



BỒI DƯỠNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC TRÍ TUỆ VIỆT NAM

● GS. VS. PHẠM MINH HẠC

1. Mở đầu

Khái niệm trí tuệ rất phong phú: hiểu biết, học vấn, thông minh, trí lực - trí năng, trình độ tư duy, tri thức, trí thức, thông thái, trí khôn, tài trí, khôn ngoan, khôn khéo. Khái niệm “Nguồn lực trí tuệ” còn phức tạp hơn: đó là vấn đề trung tâm của tri thức luận, khoa học luận thời nay - thế giới văn minh rất chú ý tới vấn đề này, nhất là từ năm 1960, trong từ vựng khoa học kinh tế có khái niệm công cụ “Vốn người”, và từ cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, người ta lại càng chú ý tới nguồn lực này, khi đi tìm động lực mới - động lực rất quan trọng - cho thời đại mới. Vấn đề đề cập ở đây được khoanh lại: đánh giá nguồn lực trí tuệ của nước ta hiện nay, trong đó có trình độ tư duy nói chung của xã hội đương thời (vấn đề dân trí), trí tuệ hiện có đã tập hợp lại thành nguồn lực hay chưa, và nếu có (hay có đến một chừng mực nào đó) thì đang sử dụng nguồn lực này thế nào. Vấn đề sẽ dẫn đến chỗ phải đề cập đến lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nhất là chất lượng, hiệu quả của đào tạo: nguồn nhân lực, nhân tài. Vấn đề rất rộng, phức tạp và khó, tôi có đôi điều suy nghĩ tản mạn, mới nêu vấn đề hơn là giải quyết vấn đề, nêu lên để cùng trao đổi, hy vọng có đóng góp ý kiến với Đại hội XI của Đảng. Nước nhà có chuyển được sang thời kì phát triển với chất lượng mới chính là ở chỗ giải quyết vấn đề nguồn lực trí tuệ.

2. Vài mốc phát triển nguồn lực trí tuệ trên thế giới

Chúng ta bàn về nguồn lực trí tuệ Việt Nam, nhưng cũng nên điểm qua lịch sử phát triển trí tuệ của thế giới, các anh, các chị đều biết cả, tôi muốn nhắc tới đôi điều để tạm gọi là lập luận cho bài phát biểu, liên hệ với hiện trạng của ta.

- Lịch sử tiến hoá nhân loại đã sản sinh ra bộ não người bình thường của tất cả các dân tộc

trên thế giới đều có cấu tạo như nhau, có khả năng hoạt động như nhau. IQ trung bình (100) của người Việt Nam như của người các dân tộc khác; CQ trung bình cũng không kém (theo KHXH.04).

- Với cấu tạo vật chất giống nhau, các bộ não của mọi người bình thường của các dân tộc có thể tạo lập các chức năng khác nhau - các năng lực khác nhau...tạo nên trình độ trí tuệ khác nhau...có các nền văn hoá - văn minh ở các trình độ khác nhau: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp (thời đại thông tin). Đó là kết luận của nhiều ngành khoa học, trong đó có tâm lí học. Dân ta hàng nghìn năm bị kìm hãm, chức năng não bộ không phát triển được (CQ của học sinh ta rất kém so với một vài nước khác - theo KHXH.04). Nước ta đang sống ở trình độ của cả 3 nền văn minh (nông nghiệp, công nghiệp, hậu công nghiệp), chưa kể đôi nơi còn sống du canh, du cư. Đánh giá nguồn lực trí tuệ Việt Nam hiện nay không đơn giản chút nào.

* Liên quan đến chủ đề này, phải kể đến thời đại duy lí (Descartes, nửa đầu thế kỉ XVII), thời đại Ánh sáng (thế kỉ XVIII), nơi giáo dục và dĩ nhiên là khoa học rất phát triển; Tây Âu xoá mù chữ từ năm 1650, nghệ thuật thời Phục hưng (từ thế kỉ XIV) liên tục đi từ đỉnh cao này sang đỉnh cao khác, kiến tạo một xã hội học thức luôn lấy tri thức - duy lí, khoa học - kĩ thuật dẫn đường, gần 3 thế kỉ đã và đang thực hiện 3 cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật - công nghệ đạt được biết bao điều kì diệu (tất nhiên có cả bao nhiêu đau khổ, hi sinh không tránh khỏi). Kể qua như vậy, để liên hệ đến tình hình nguồn lực trí tuệ của chúng ta rất nhiều cấp độ, lại khác nhau theo vùng miền...(về cơ khí, ta mới sản xuất hoàn thiện được xe đạp! Nhưng lại sản xuất được chíp, phần mềm...). Tuy vậy, thử nêu một vài nhận xét ban đầu.

3. Nguồn lực trí tuệ Việt Nam hiện nay

Chúng ta ai cũng rất đỗi tự hào về lịch sử nước ta, về tổ tiên cha ông ta. Tất cả nói lên sức sống vĩ đại - trí tuệ, tâm huyết, lao động, hiếu học... của dân ta. Nhưng với quan niệm “trí tuệ là hiểu biết khoa học, tư duy duy lí”, thì chúng ta bị hạn chế rất nhiều (Quốc tử giám Thăng long - Hà Nội hơn 9 thế kỉ bị giam hãm trong Tứ thư, Ngũ kinh, từ cuối thế kỉ XIX trở thành nơi thờ tự và du lịch!), ai cũng thấy, đến giữa thế kỉ XX chúng ta còn là một dân tộc “hèn kém”, “yếu hèn” (Hồ Chí Minh viết trong những năm 1920), năm 1945: chỉ có 5% dân cư biết chữ. Nửa thế kỉ qua, chúng ta đã tiến những bước dài, 94% dân cư biết chữ và đã phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở - đây là cái nền rất quan trọng của “vốn trí tuệ” - nhưng nhiều người đánh giá học vấn (học qua lớp này, cấp kia) thì có, nhưng dân trí (trình độ trí tuệ) thì chưa tương xứng với thời đại, còn chịu ảnh hưởng nặng nề của cách học hư văn, không thực học, thực nghiệp từ ngàn năm để lại. Nhìn chung, nhất là ở cấp vĩ mô, khi loài người đang đi vào trình độ tư duy phức hợp, hệ thống, quản lí hỗn độn..., thì chúng ta còn ở tình trạng (không phải cá biệt) là tư duy nông nghiệp, manh mún, kinh nghiệm chủ nghĩa, vùng miền... Thậm chí có người nói: trong thời bình, nhiều nơi, nhiều cấp chúng ta còn đang chìm đắm trong cái biển nông nghiệp, nông dân, chưa tập hợp và sử dụng “nguồn lực trí tuệ” của địa phương, từng vùng, có khi cả nước, phương pháp tiếp cận theo khoa học vào nhiều lĩnh vực còn hạn chế rất nhiều.

Về đội ngũ đã qua đào tạo, đến nay có hơn 30% số người lao động đã qua đào tạo, khoảng 2,5 triệu người có trình độ đại học, vài vạn thạc sĩ, khoảng hơn 15.000 tiến sĩ và TSKH, hơn 7000 PGS, gần 1000 GS, gần nửa triệu người Việt ở nước ngoài giảng dạy đại học, nghiên cứu khoa học và cán bộ kĩ thuật... Đây là bộ phận nòng cốt của trí tuệ từng vùng và quốc gia. Hiệu quả hoạt động của bộ phận này không rõ lắm, nhiều khi còn đóng khung trong nhà trường hay viện nghiên cứu, vì còn nhiều yếu tố xa rời thời cuộc, không theo kịp đà tiến chung của khoa học, giáo dục các nước phát triển. Lò sản sinh ra nguồn lực trí tuệ là giáo dục theo nghĩa rộng của từ này, mà trực tiếp là nhà trường, thì đây đang là “đại vấn đề” của Việt Nam (trong Dự án điều tra giá trị châu Á có một câu hỏi: nước nào

trong 7 nước Đông Á cần đổi mới giáo dục, kết quả là Việt Nam đứng đầu). Có người thì lại đổ lên đầu chính những trí thức không làm tròn sứ mệnh của mình trước dân tộc. Vấn đề cực kì phức tạp, và cũng hết sức tế nhị, có cả cơ may nữa. Muốn tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế nước nhà, như gần đây các chuyên gia phát biểu, không thể không nói đến “cải tiến nền giáo dục - đào tạo”: phải tạo chuyển biến thực sự trong việc tạo lập và phát huy (sử dụng) nguồn lực trí tuệ dân tộc.

Đánh giá đội ngũ này là một vấn đề lớn và khó, phải làm cẩn thận. Sơ bộ thấy, có thể nói, ta có lực lượng kể trên, nhưng đã tổ chức thành nguồn nhân lực phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội hiện nay chưa - thì còn là vấn đề chưa rõ, mặc dù từ 1991 đến nay có các Chương trình KHCN NN về Con người và Nguồn nhân lực, nhưng đến nay vẫn chưa có Chiến lược phát triển và sử dụng nguồn nhân lực cả nước và từng vùng, không có cơ quan quản lí nhà nước về nguồn nhân lực.

Nhìn đại thể, về số lượng không phải là ít (cần so sánh tỉ lệ cán bộ khoa học, đại học... trên vạn dân), trải rộng nhiều bộ môn, nhiều ngành nghề, phần lớn có trình độ tiếp cận được nhiều khoa học và công nghệ hiện đại, các ngành sản xuất trong nước và một số ngành sản xuất ở một số nước, nhiều trí thức đủ sức dạy đại học ở trình độ chung trong khu vực và nước ngoài. Nhưng về vấn đề cập nhật, thích nghi với yêu cầu của sản xuất, kinh doanh, giảng dạy... còn thiếu điều kiện đáp ứng. Nếu được tạo điều kiện và biết tổ chức cách bồi dưỡng kịp thời, các khó khăn trở ngại đó có thể vượt qua. Hầu hết cho rằng nước ta đang “lãng phí chất xám”, “chảy máu chất xám”, đa số người lao động không an tâm làm việc, chế độ lương cho giáo viên, công chức, viên chức quá bất hợp lí... Tình hình chung là lo kiếm sống, hơn nữa là vươn tới cuộc sống sung túc, giàu có, lo cho con cháu. Còn cái gọi là “sự nghiệp” có lẽ khó tìm. Các công trình nghiên cứu cho thấy an sinh xã hội cũng có cái gọi là thành tích, nhưng tình trạng tha hoá lao động, tha hoá đội ngũ, tha hoá giai tầng, và cả tha hoá giai cấp... có thể là phổ biến. Tha hoá thì còn đâu là niềm tin! Quả vậy, thật rất đáng suy nghĩ! Có “nguồn” mà không thành “lực”, có “trí thức” mà chưa thành “trí tuệ” - người có học phải có đầu óc thông



tuệ với cái tâm phục vụ con người, phụng sự Tổ quốc! Năm 1946, Bác Hồ nói: diệt hết giặc dốt rồi, phải phấn đấu thành một dân tộc thông thái, nghĩa là phải biết sử dụng tri thức vào giải quyết các vấn đề của cuộc sống.

4. Sử dụng nguồn lực trí tuệ

Nguồn lực trí tuệ có nhiều cách phân loại, ví dụ, trí tuệ quản lí, lãnh đạo, trí tuệ kinh doanh, trí tuệ sản xuất, trí tuệ khoa học, v.v... Rồi lại còn phân loại trí tuệ theo cấp độ, ví dụ, vĩ mô, vi mô... Nói sử dụng, cũng có phân loại tương tự: từ đường lối, chính sách, chiến lược, chiến thuật... Cụ thể nữa là cách ứng xử, đối đãi cụ thể với tri thức và tầng lớp trí thức, v.v. và v.v... Cần có một công trình nghiên cứu nghiêm túc.

Ở đây tôi muốn bàn đến đường lối, chính sách, có thể đi thẳng vào vấn đề sử dụng đội ngũ (giới, tầng lớp) trí thức vào các lĩnh vực đời sống xã hội, phát triển đất nước. Vấn đề quốc gia đại sự. Tôi phản ánh vài điều tâm tư.

Như nói ở trên, đây là vấn đề bức xúc nhất ở ta hiện nay. Nhiều nơi chỉ lo “vốn tài chính”, “vốn tài nguyên”, v.v..., hầu như ít ai quan tâm đến “nguồn lực trí tuệ” - “vốn người”, “vốn nhân lực, nhân tài”... Vô số người chỉ chạy bằng cấp lấy chức vụ, chứ không lo thực học, thực nghiệp. Cơ hội luồn lọt hay cái gọi là “đoàn kết vùng miền”, “cài người nhà”... hơn cả tài năng, tâm huyết. Đại học mở tràn lan, thế mà đâu cũng kêu thiếu người làm được việc. Chấm lo nhà trí thức này, nhà trí thức nọ, có vẻ ghê gớm lắm, còn cả đội ngũ trí thức thì chủ yếu theo con đường “tự cứu lấy mình” (trong hệ thống lương nhà nước không có bậc lương GS., PGS.). Đến nay trong thời đổi mới, nhiều khi không rõ thước đo giá trị của chúng ta là gì, tiêu chí chất lượng - hiệu quả ngày càng mờ nhạt. Riêng một số cơ sở sản xuất gọi là nhà nước, nhưng hưởng tiêu chuẩn như tư nhân. Có lẽ khu vực ngoài nhà nước rõ hơn: ăn lương theo hiệu suất công việc, hiệu quả kinh tế qua đồng lương là số một. Định hướng giá trị nhiều người chỉ xoay quanh vào đây. Các khoa học cơ bản, nhất là khoa học xã hội, không mấy người học, điểm chuẩn ngày một thấp. Nhìn chung hơn là vấn đề bồi dưỡng nhân tài ngày càng ít ai quan tâm. Nhiều ý kiến cho rằng phải xem lại cách nhìn nhận “yếu tố người” - có thực sự coi trọng “thân phận của con người” không, giá trị

của từng người được đánh giá thế nào... toát lên một không khí không thực đồng thuận trong cộng đồng xã hội.

Đi vào thế kỉ mới, vào thời đại thông tin, hội nhập quốc tế, toàn thế giới, nhất là các nước phát triển đặt vấn đề con người, nguồn nhân lực, nhân tài lên hàng đầu, trung tâm của mọi chiến lược phát triển. Nước Mỹ mới đưa ra con số 2% học sinh, sinh viên là học sinh xuất sắc, họ rất chú ý bồi dưỡng số này, trên nền giáo dục chung số này là điểm tựa để bảo đảm vai trò tiên phong trong công nghệ và cả chính trị nữa. Khái quát có thể nói, đội ngũ người tài là đầu tàu của cả đội ngũ nhân lực. Các phát minh, các cải tiến, đổi mới hầu hết bắt đầu từ đây. Thời nay là thời xếp hàng dọc đứng đầu là người tài mà tiến. Nước nào tạo được môi trường (môi trường dân chủ, tự do sáng tạo...) như vậy, dân nước đó được nhờ. Đó là điều kiện vô cùng quan trọng - có khi là quy luật tiến hoá - bảo đảm tiến bộ xã hội. Ngược lại, không thể cường thịnh được.

Có thể coi đó là một triết lí: triết lí coi trọng giá trị con người là giá trị sản sinh ra mọi giá trị; lao động, nhất là lao động giáo dục (theo nghĩa rộng) là giá trị tạo ra giá trị bản thân của từng người, lao động khoa học - công nghệ là lực lượng sản xuất dẫn đường, là giá trị gốc của các giá trị nhân cách, đạo đức, tinh thần xã hội... Từ đó có chính sách trọng dụng nhân tài, tạo mọi điều kiện cho nhân tài nảy nở, phát huy.

5. Kết luận

Nhà nước có trách nhiệm chính yếu, quan trọng bậc nhất trong việc đào tạo, trọng dụng, tôn vinh, động viên, phát huy nguồn lực trí tuệ của dân tộc, xuất phát từ giá trị bản thân của mọi thành viên trong cộng đồng xã hội. Giá trị bản thân của mọi người dân là nòng cốt của giá trị nội lực toàn dân tộc. Tạo lập và phát huy tối ưu các giá trị này, đất nước sẽ an bình, phồn vinh, con người sẽ hạnh phúc.

SUMMARY

The author presents some thoughts on the nurturing, honoring, use, evaluation of the knowledge resources of Vietnam nowadays and the government's role in training, motivating, utilizing the national knowledge resources, getting the country to the development in the globalization context.